

Bản án số: 129/2025/DS-PT

Ngày 25 – 3– 2025

Về việc tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 553/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2024/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983 (Văn bản uỷ quyền ngày 26/02/2021) (có mặt)

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Đức B – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1970.

2/ Ông Nguyễn Như B1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1994 (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Nguyễn Trường A1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Đồng Tâm A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Như Ý, ông Nguyễn Trường A1 là: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1975. (Văn bản uỷ quyền ngày 24/3/2021), (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1970 (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 (có mặt)

3/ Bà Võ Kim Ú, sinh năm 1967 (có mặt)

4/ Bà Nguyễn Phương A2, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Lương Quốc L1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

6/ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

7/ Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

8/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án, ông Nguyễn Trường A1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn K trình bày:

Năm 1981 Nhà nước cấp cho bà Nguyễn Thị L phần đất diện tích 7.860m² tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau theo chính sách người có công với cách mạng (chồng bà là liệt sĩ, bà là thương binh 4/4). Năm 1995 ông Nguyễn Văn G (Nguyễn Trường G1) là con ruột làm thủ tục giả đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/8/1995 UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất cho ông G1 diện tích 7.860m² theo giấy chứng nhận số E0623190 thuộc thửa số 826 tờ bản đồ số 02. Năm 2016 ông G1 chết không để lại di chúc. Ngày 24/10/2018 ông A1 nộp hồ sơ giả để nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông G1 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P xác nhận chỉnh lý giấy CNQSD đất của ông G1 để thừa kế lại cho ông A1 theo hồ sơ 000001.TK.001. Hiện phần đất trên do vợ ông G1 là bà T và các con của ông G1 là ông Như B1, ông Trường A1, ông Tuấn A, bà Như Ý đang quản lý, sử dụng.

Bà yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất của ông G1 được UBND huyện C cấp phần đất diện tích 7.860m² theo giấy chứng nhận số E0623190 thuộc thửa số 826 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Buộc bà T, ông Như B1, ông Trường A1, ông Tuấn A, bà Như Ý trả lại cho bà phần đất diện tích 7.860m² tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28/9/2021 nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất 7.860m² theo giấy chứng nhận số E0623190 thuộc thửa số 826 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Yêu cầu chia cho bà L phần đất diện tích 1.310m². Do bà L đã bồi đắp, xây dựng nhà, trồng cây lâu năm và đã ở ổn định từ năm 1987 đến nay nên phần đất là di sản thừa kế do ông G1 để lại nên yêu cầu Toà án giải quyết chia cho bà L phần đất bà L đã bồi đắp, cất nhà, trồng cây lâu năm trên đó và giữ nguyên hiện trạng.

Tại phiên toà ngày 19/3/2024 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu công nhận thừa số 698 diện tích 897,5m² theo trích đo hiện trạng của Công ty TNHH P ngày 18/4/2022 là của bà L (hiện bà L đang quản lý, cất nhà ở trên đất). Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa số 500 diện tích 6.872,6m².

Tại Văn bản ngày 11/7/2024 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 7.860m² theo Giấy CNQSD đất cấp cho ông Nguyễn Văn G số E0623190 thuộc thửa số 826 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thống nhất với kết quả đo đạc và không yêu cầu định giá.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/9/2022, biên bản hòa giải ngày 08/8/2024 và các văn bản khác người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Phần đất do chính quyền địa phương trang trải cho hộ gia đình liệt sĩ ông Nguyễn Công T1, ông T1 là chồng bà L đã hi sinh khi tham gia cách mạng. Phần đất này không liên quan đến công sức tạo lập của ông T1, không phải là tài sản chung giữa ông T1 và bà L, cũng không phải di sản do ông T1 chết để lại. Bà T và ông G chung sống năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 1990 thì bà L tặng cho bà T và ông G phần đất này để canh tác, cất nhà trên đất và sinh sống cho đến nay. Khi đó, hiện trạng là rừng chồi, bung biền bà T và ông G bỏ công sức cải tạo thì đất mới được hiện trạng như hiện tại. Đến năm 1993 có chủ trương đăng ký kê khai thì ông G đại diện cho hộ gia đình bà T đăng ký, kê khai với cơ quan chức năng. Đến năm 1995 thì được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất. Bà T và ông G có 04 người con gồm Nguyễn Như B1, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Như Ý và Nguyễn Trường A1, ngoài ra không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Đối với di sản của ông G là phần đất diện tích 7.860m² (theo đo đạc thực tế là thửa số 500 + thửa số 706 + thửa 698 tổng diện tích là 8.249.3m²) tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thửa số 706 hiện bà T và ông Nguyễn Văn L2 đang tranh chấp, bà T xác định thửa số 706 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G nên yêu cầu chia thừa kế các thửa số 500 + 706 + 698. Hiện tại phần đất ông G đã được cấp giấy CNQSD đất theo quy định pháp luật, phần tài sản của ông G và bà T thì bà T đương nhiên được hưởng 50%, 50% còn lại thì T đồng ý chia đều 06 kỷ phần. Đối với công sức đóng góp tôn tạo làm tăng giá trị phần đất bà T yêu cầu được nhận 01 kỷ phần và chuyển giao các kỷ phần được nhận cho ông A1 quản lý, sử dụng. Bà L là người được hưởng phần di sản thừa kế của ông G nên bà T đồng ý chia cho bà L phần diện tích bà L đã cất nhà tình nghĩa phần còn lại do ông H tự cất nhà và coi nói, thì ông H tự tháo dỡ di, dời khi phần đất phân

chia thừa kế có liên quan đến tài sản của ông H đầu tư xây dựng. Đối với khoản tiền nợ trước đây tại biên bản hoà giải ngày 23/9/2022 và tại phiên toà ngày 19/3/2024 bà T đặt ra yêu cầu những người được nhận di sản thừa kế của ông G có trách nhiệm thanh toán khoản nợ 113.000.000 đồng nay bà không yêu cầu đối với vấn đề này. Thống nhất với kết quả đo đạc và thống nhất không yêu cầu định giá đất và tài sản trên đất.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như B1, ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Như Ý trình bày: Ông bà là con ruột của ông G và bà T. Đối với di sản do ông G để lại là phần đất diện tích 7.860m² (theo đo đạc thực tế là 8.249.3m² gồm cả phần diện tích thửa 706) tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau ông bà yêu cầu được nhận kỷ phần theo quy định pháp luật và chuyển giao kỷ phần được nhận cho ông A1 quản lý, sử dụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường A1 trình bày: Ông là con ruột của ông G và bà T. Đối với di sản do ông Nguyễn Trường G1 là phần đất diện tích 7.860m² (theo đo đạc thực tế là 8.249.3m²) tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau để lại ông yêu cầu được nhận kỷ phần theo quy định pháp luật và đồng ý nhận các kỷ phần của bà T, ông Như B1, ông Tuấn A, bà Như Ý chuyển giao. Hiện giấy CNQSD đất ông đang quản lý, sử dụng. Đối với việc điều chỉnh của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P nếu trường hợp có căn cứ Toà án huỷ điều chỉnh thì ông không có ý kiến gì yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: Từ năm 1987 ông sinh sống trên phần đất cho đến nay, quá trình sử dụng đất ông có cất nhà và tôn tạo thêm nên phần đất mới có hiện trạng như hiện nay. Nếu việc chia thừa kế ảnh hưởng đến nhà và công trình của ông trên đất thì ông sẽ tự tháo dỡ, di dời và không ra yêu cầu bồi thường. Vào ngày 02/4/2017 ông Như B1 có chuyển nhượng phần đất biên lá là phần đất hiện nay ông và bà L đang quản lý, sử dụng số tiền 12.000.000 đồng. Nếu việc chia thừa kế ảnh hưởng đến quyền lợi của ông đối với số tiền ông Như B1 đã chuyển nhượng thì ông sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ1, bà Võ Kim Ú, bà Nguyễn Phương A2 trình bày: Thống nhất chia thừa kế theo pháp luật phần đất là di sản của ông G1 để lại cho bà L và gia đình bà T.

Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2024 ông Lương Quốc L1 trình bày: Ông có nhận thuê của bà T phần đất khoảng 6.000m² thời hạn 4 năm kể từ ngày 16/4/2021 đến ngày 16/4/2025 dương lịch, giá 26.000.000 đồng/4 năm. Khi xác lập hợp đồng không có ai chứng kiến cũng như xác nhận của UBND xã. Hiện hợp đồng thuê không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Do bận công việc nên yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Báo cáo số 405/BC-UBND ngày 20/9/2023 của UBND xã P: "...Trong quá trình kiểm tra hồ sơ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn

Trường G1 được nêu trong văn bản phân chia di sản đã chết. Nhưng không có giấy chứng tử hoặc giấy tờ thay thế giấy chứng tử nên việc chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản nêu trên chưa đúng theo quy định pháp luật. Từ những thiếu sót trên dẫn đến việc UBND xã P chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản của ông Nguyễn Trường G1 bỏ sót hàng thừa kế là bà Nguyễn Thị L". Nay yêu cầu được vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại Công văn số 633/CNVPĐKĐĐ ngày 24/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P xác định: "...Việc thực hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Tuy nhiên, hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất UBND xã P có sai sót bỏ sót hàng thừa kế theo quy định. Bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột ông Nguyễn Văn G còn sống nhưng trong văn bản thoả thuận phân chia UBND xã P lập xác định cha mẹ của ông Nguyễn Văn G đã chết trước". Yêu cầu được vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại Công văn số 1748/UBND ngày 07/10/2020 của UBND huyện P: "...Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0623190 do UBND huyện C (nay là huyện P) ký cấp ngày 11/8/1995 cho ông Nguyễn Văn G diện tích 7.860m², thửa đất số 826, tờ bản đồ số 02, phần đất tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau là đúng theo quy định pháp luật. Yêu cầu được vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Bà L yêu cầu chia di sản do ông G để lại là quyền sử dụng đất diện tích 7.860m² theo đo đạc thực tế gồm thửa số 500 + 698. Do bà L đang quản lý thửa 698 nên yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng và nhận đất thửa 500. Yêu cầu huỷ Văn bản thoả thuận phân chia di sản được chứng thực tại UBND xã P ngày 24/10/2018; huỷ xác nhận chỉnh lý trang 4 của GCN của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P. Không yêu cầu được nhận kỷ phần về công sức đóng góp, giữ gìn khối di sản. Đồng ý chừa lối đi vào ngôi mộ của ông G chiều ngang 2,17m², chiều dài tính từ mé lộ vào đến ngôi mộ. Và đồng ý để lại phần đất gồm ngôi mộ của ông G và lối đi vào ngôi mộ không yêu cầu chia thừa kế với tổng diện tích 32m². Thống nhất giá trị phần đất 40.000 đồng/m² và Bản Biên tập mảnh "Trích đo hiện trạng" của Công ty TNHH P ngày 22/8/2024.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Như Ý, ông Nguyễn Trường A1 là ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Theo hiện trạng phần đất được cấp đến giáp sông hiện tại do con lộ đi ngang nên chia cắt phần đất thành các thửa 706 (ông Nguyễn Văn L2 đang quản lý), thửa 698 (bà L quản lý), thửa 500 (bà T quản lý). Phần đất là di sản của ông G để lại nên bà T là vợ được hưởng 50%, 50% còn lại bà T đồng ý chia cho các đồng thừa kế, tính từ giáp ông Nguyễn Thanh V kéo từ mặt tiền giáp sông G kéo thẳng lên hậu, nếu ảnh hưởng đến công trình, nhà do ông H tự xây cất thì ông H tự tháo dỡ, di dời. Bà T yêu cầu được nhận 01 kỷ phần về công sức đóng góp, giữ gìn khối di sản. Các kỷ phần của bà T được nhận bà đồng ý chuyển giao cho ông A1 quản lý, sử dụng. Và đồng ý để lại phần đất gồm ngôi mộ của ông G và lối đi vào ngôi mộ không yêu cầu chia thừa kế

với tổng diện tích 32m². Thống nhất giá trị phần đất 40.000 đồng/m² và Bản Biên tập mảnh “Trích đo hiện trạng” của Công ty TNHH P ngày 22/8/2024. Hiện nay do phần đất phát sinh tranh chấp nên ông L1 và bà T đã kết thúc hợp đồng thuê đất nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Ông Nguyễn Thanh H trình bày: Vào năm 2013 ông nhận chuyển nhượng 200m² đất từ bà Lê Thị M, hai bên có lập giấy tay không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Ông quản lý phần đất chuyển nhượng và bồi đắp thêm nên có hiện trạng như hiện nay. Tuy nhiên, phần đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy CNQSD đất và phần diện tích bồi đắp cụ thể là bao nhiêu không xác định được nên ông đồng ý chia thừa kế toàn bộ diện tích thửa 698 và thửa 500.

- Bà Nguyễn Phương A2, bà Nguyễn Ngọc Đ1, bà Võ Kim Ú không có ý kiến trình bày khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 259/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Trường G1 (Nguyễn Văn G) theo quy định pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trường A1 về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Trường G1 (Nguyễn Văn G) theo quy định pháp luật.

Tuyên bố: Văn bản thoả thuận phân chia di sản lập giữa bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Như B1, ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Như Ý và ông Nguyễn Trường A1 do UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau chứng thực ngày 24/10/2018 là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị L được chia thừa kế phần đất diện tích đo đạc thực tế là 897,5m², phần đất toạ lạc ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, có các cạnh:

+ Một cạnh giáp sông G dài 45.79m, từ điểm M16 đến M9.

+ Một cạnh giáp thửa đất số 1 diện tích 479.2m dài 21.25m từ điểm M9 đến M12.

+ Một cạnh giáp đường bê tông dài 36.95m từ điểm M12 đến M15.

+ Một cạnh giáp đất sông G dài 19.13m từ điểm M15 đến M16.

Ông Nguyễn Trường A1 được chia thừa kế phần đất diện tích đo đạc thực tế là 6.872,6m², phần đất toạ lạc ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, có các cạnh:

+ Một cạnh giáp đường bê tông dài 45.98m, từ điểm M2 đến M3.

+ Một cạnh giáp đất bà Nguyễn Thúy H1 dài 153.92m từ điểm M1 đến M2.

+ Một cạnh giáp đất ông Lê Tấn L3 dài 43.30m từ điểm M1 đến M4.

+ Một cạnh giáp đất ông Nguyễn Thanh V dài 153.92m từ điểm M4 đến M3.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Bản biên tập Trích đo hiện trạng của Công ty TNHH P phát hành ngày 22/8/2024).

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch cho ông Nguyễn Trường A1 là 10.106.400 đồng (Mười triệu một trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm đồng).

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 11.001.067 đồng, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1 phải chịu. Bà Nguyễn Thị L đã thanh lý xong toàn bộ chi phí đo đạc với Công ty TNHH Đ2. Buộc ông Nguyễn Trường A1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 10.084.000 đồng. (Mười triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Ông Nguyễn Trường A1 phải chịu 14.186.500 đồng. Ông Nguyễn Trường A1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.980.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003782 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, ông Nguyễn Trường A1 tiếp tục nộp 11.206.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 15/10/2024, bà Nguyễn Thị L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 14/10/2024, ông Nguyễn Trường A1 là bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc tách phần đất ông Nguyễn Văn L2 không tính vào diện tích thừa kế là không đồng ý, buộc bà L trả giá trị đất số tiền 10.106.400đ là không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn thay đổi một phần kháng cáo, xin rút lại kháng cáo đối với yêu cầu về việc chia phần đất tranh chấp giữa bà T và ông L2, chỉ kháng cáo phần trị giá đất của bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Các đương sự vẫn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp vẫn bảo lưu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 259/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1 còn trong thời hạn luật định. Về thời điểm mở thừa kế, di sản, hàng thừa kế, các đương sự đều thống nhất.

[2] Xét nguồn gốc đất năm 1981 bà Nguyễn Thị L được cấp đất 7.860m² nhưng không thể hiện giấy tờ chứng minh. Năm 1995 ông Nguyễn Trường G1 là

con ruột được cấp giấy số E190 diện tích 7.860m², thửa 826, tờ bản đồ số 02, ông G1 chết năm 2016 không để lại di chúc. Việc ông G1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị L vẫn biết nhưng không có ý kiến gì, mặc nhiên để ông G1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm này bà T đã chung sống với ông G1. Tại Công văn số 1748/UBND ngày 07/10/2020 của UBND huyện P và Công văn số 633/CNVPĐKĐĐ ngày 24/9/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P “Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G là đúng theo quy định pháp luật”. Ngày 24/10/2018, ông Nguyễn Trường A1 là con của ông G làm thủ tục nhận thừa kế qua tên ông A1. Nay phát sinh thêm người thừa kế bà L là mẹ ruột ông G. Điều đó cho thấy, bà T và các con lập văn bản thoả thuận phân chia di sản là hành vi gian dối, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L người thuộc hàng thừa kế của ông G. Do đó Văn bản thoả thuận phân chia di sản lập giữa bà T và ông Như B1, ông Trường A1, ông Tuấn A và bà Như Ý do UBND xã P chứng thực ngày 24/10/2018 là không đúng quy định bị vô hiệu. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông G xác định gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Như B1, ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Như Ý, ông Nguyễn Trường A1.

[3] Nguồn gốc phần đất năm 1981 bà L được Nhà nước cấp cho bà theo diện chính sách người có công với cách mạng, sau đó bà tặng cho riêng ông G. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ chứng minh cho riêng ông G, bà T và ông G chung sống từ năm 1988 không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi được cho đất thì ông G đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận năm 1995. Tại thời điểm cấp giấy thì bà T và ông G đã chung sống với nhau như vợ chồng. Từ khi được cấp giấy thì bà T đã chung sống với ông G và cùng canh tác quản lý sử dụng cùng đứng tên vay Ngân hàng, sau khi ông G chết thì bà T cùng các con vẫn quản lý đất cho đến nay. Bà L cũng sinh sống trên phần đất biên biết rõ việc này nhưng không có ý kiến phản đối, nên không có cơ sở xác định phần đất là tài sản riêng ông G, do không có căn cứ để chứng minh tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung. Do đó, xác định phần đất là tài sản chung của ông G và bà T nên bà T được nhận 50% diện tích, 50% diện tích còn lại chia đều cho các đồng thừa kế.

Do ông G chết không để lại di chúc nên di sản của ông G được phân chia lại theo quy định pháp luật cho mẹ, vợ và 04 người con của ông G thuộc hàng thừa kế thứ nhất là đúng quy định pháp luật. Bà T được chia 50% diện tích trong khối tài sản chung; 50% diện tích còn lại chia 06 kỷ phần, gồm bà L, bà T, ông Như B1, ông Tuấn A, bà Như Ý, ông Trường A1.

[4] Hiện nay phần đất được chia thành hai thửa bà L quản lý đất từ khi Nhà nước cấp đất cho gia đình bà theo diện gia đình chính sách năm 1981 đến khi bà L cho đất ông G và được cấp giấy năm 1995. Bà T quản lý phần diện tích 6.872,6m², bà L quản lý phần diện tích 897,5m². Tuy nhiên phần đất bà L quản lý giáp sông và bà L bồi đắp để tăng diện tích cũng như giá trị. Do đó, xét về công sức đóng góp, giữ gìn khối di sản thì bà T và bà L là ngang nhau nên không xem xét đến kỷ phần về giữ gìn khối di sản.

Quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Như B1, ông Tuấn A, và bà Như Ý đồng ý giao di sản cho ông A1 quản lý. Ông A1 đồng ý nhận các kỷ phần này và đồng ý chịu toàn bộ án phí đối với các kỷ phần được nhận. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người khác nên được chấp nhận.

Trong phần đất này có mộ của ông G với diện tích khuôn viên khu mộ là $7,4m^2$ (tại các điểm N1, N2, N3, N4) và chừa đường đi vào mộ làm lối đi chung từ nền mộ ra lộ có diện tích $24,6m^2$. Các đương sự đều thống nhất không chia thừa kế đối phần diện tích này, nên phần diện tích đất được xem xét chia thừa kế là $6.872,6m^2 + 897,5m^2 = 7.770,1m^2 - 32m^2 = 7.738,1m^2$.

Di sản là tài sản chung nên bà T được nhận 50% diện tích $7.738,1m^2 : 2 = 3.869,05m^2$. Phần diện tích $3.869,05m^2 : 6 = 644.84m^2$. Như vậy, bà T được nhận phần 50% tài sản chung và 01 kỷ phần được hưởng theo pháp luật $3.869,05m^2 + 644.84m^2 = 4.513,89m^2$. Bà L được nhận 01 kỷ phần $644.84m^2$, những người được nhận đồng ý chuyển giao cho ông A1 quản lý nên ông A1 được nhận 05 kỷ phần (gồm của bà T, ông Như B1, ông Tuấn A, bà Như Ý, ông A1) và 50% của bà T $(644.84m^2 \times 5) + 3.869,05m^2 = 7.093,25m^2$.

Xét, ngoài diện tích được hưởng thừa kế thì còn phần đất không chia thừa kế là lối đi chung vào mộ và khuôn viên khu mộ là phần mộ của ông G (cha ông A1) nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho ông A1 tiếp tục quản lý là phù hợp với thuần phong mỹ tục, đạo đức. Như vậy, tổng diện tích ông A1 được nhận $7.125,25m^2 (7.093,25m^2 + 32m^2)$.

[5] Để đảm bảo việc chia thừa kế không ảnh hưởng đến quá trình sử dụng và nhằm ổn định vị trí, nơi ở từ trước đến nay nên xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng mà các bên đã quản lý. Do thừa 698 bà L và ông H quản lý từ trước đến nay sử dụng ổn định có nhà, cây trồng nên được tiếp tục giao cho bà L quản lý và hoàn giá trị chênh lệch. Bà T quản lý thừa số 500 có nhà, ống bọng và đường nước xô nên tiếp tục giao cho bà T, bà T chuyển giao cho ông A1 quản lý. Cụ thể: Phần diện tích bà L được nhận thừa 698 có diện tích $897,5m^2$ từ điểm M9 - M12 - M15 - M20 về M9. Phần diện tích ông A1 được nhận thừa 500 có diện tích $7.093,25m^2$ nhưng do giữ nguyên hiện trạng nên nhận diện tích $6.872,6m^2$ từ điểm M1 - M2 - M3 - M4 về M1.

Do bà L được giữ nguyên hiện trạng phần diện tích $897,5m^2$ nhiều hơn phần được nhận $252.66m^2 \times 40.000 \text{ đồng} = 10.106.400 \text{ đồng}$. Do đó, bà L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 10.106.400 đồng cho ông A1.

Án sơ thẩm chấp nhận việc chia thừa kế theo pháp luật là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Đối với biên hợp thân tộc ngày 02/4/2017 do bà L chủ trì việc phân chia đất cho ông H và ông G. Tuy nhiên thời điểm đó ông G đã được cấp giấy chứng nhận nên việc phân chia không có giá trị pháp lý. Hợp đồng thuê giữa bà T và ông L1 đã kết thúc không phát sinh tranh chấp các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền chuyển nhượng giữa ông H và ông Như B1 các đương sự không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Nguyên đơn cho là tài sản ông G chia thành 6 phần và xin được giữ nguyên hiện trạng cho bà L, cũng như các phân tích phần tài sản của ông G được cấp năm 1995 thời điểm bà T và ông G chung sống là năm 1988 cho nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đối với bị đơn xin rút lại một phần kháng cáo về việc tranh chấp với ông L2, xét thấy đây là sự tự nguyện của bị đơn nên đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này, riêng việc yêu cầu chia thừa kế trả bằng diện tích đất, yêu cầu này không được chấp nhận vì phần đất này bà L đã quản lý nối liền với hiện trạng đã giao cho bà L từ trước đến nay.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đình chỉ một phần kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với các phân tích trên.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 11.001.067 đồng. Bà L nhận phần đất diện tích 644.84m² tương đương số tiền 916.700 đồng, ông A1 nhận phần đất diện tích 7.093,25m² tương đương số tiền 10.084.000 đồng. Bà L đã thanh lý xong toàn bộ chi phí đo đạc với Công ty TNHH Đ2. (Theo hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ đo đạc giữa Công ty TNHH P và Công ty TNHH Đ2, hóa đơn bán hàng ngày 26/4/2022) nên ông A1 có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền 10.084.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí đối với kỷ phần được hưởng thừa kế. Ông A1 phải chịu án phí đối với kỷ phần được nhận và các kỷ phần được chuyển giao là 14.186.500 đồng.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí. Ông A1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp chuyển thu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1.

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trường A1 đối với phần đất tranh chấp diện tích 479,2m² với ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị T2

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

Tuyên Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Trường G1 (Nguyễn Văn G) theo quy định pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trường A1 về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Trường G1 (Nguyễn Văn G) theo quy định pháp luật.

Tuyên bố: Văn bản thoả thuận phân chia di sản lập giữa bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Như B1, ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Như Ý và ông Nguyễn Trường A1 do UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau chứng thực ngày 24/10/2018 là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị L được chia thừa kế phần đất diện tích đo đạc thực tế là 897,5m², phần đất toạ lạc ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, có các cạnh:

- + Một cạnh giáp sông G dài 45.79m, từ điểm M16 đến M9.
- + Một cạnh giáp thửa đất số 1 diện tích 479.2m dài 21.25m từ điểm M9 đến M12.

- + Một cạnh giáp đường bê tông dài 36.95m từ điểm M12 đến M15.

- + Một cạnh giáp đất sông G dài 19.13m từ điểm M15 đến M16.

Ông Nguyễn Trường A1 được chia thừa kế phần đất diện tích đo đạc thực tế là 6.872,6m², phần đất toạ lạc ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, có các cạnh:

- + Một cạnh giáp đường bê tông dài 45.98m, từ điểm M2 đến M3.

- + Một cạnh giáp đất bà Nguyễn Thúy H1 dài 153.92m từ điểm M1 đến M2.

- + Một cạnh giáp đất ông Lê Tấn L3 dài 43.30m từ điểm M1 đến M4.

- + Một cạnh giáp đất ông Nguyễn Thanh V dài 153.92m từ điểm M4 đến M3.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Bản biên tập Trích đo hiện trạng của Công ty TNHH P phát hành ngày 22/8/2024).

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch cho ông Nguyễn Trường A1 là 10.106.400 đồng (Mười triệu một trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm đồng).

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 11.001.067 đồng, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trường A1 phải chịu. Bà Nguyễn Thị L đã thanh lý xong toàn bộ chi phí đo đạc với Công ty TNHH Đ2. Buộc ông Nguyễn Trường A1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 10.084.000 đồng. (Mười triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Ông Nguyễn Trường A1 phải chịu 14.186.500 đồng. Ông Nguyễn Trường A1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.980.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003782 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, ông Nguyễn Trường A1 tiếp tục nộp 11.206.500 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông A1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ngày 14/10/2024, ông A1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, lai thu số 0003929 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang